TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2025
V/v: Tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Cang và bà Đào Thị Ngâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Đức Duy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, về tranh chấp *"Ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1983; Địa chỉ: khu phố L, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm: 1983; Địa chỉ: khu phố L, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (T) và ông Nguyễn Đức T1 tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện P (nay là xã P, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 04/6/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do ông T1 thường xuyên nhậu nhẹt, bài bạc, không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con; dù đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhiều lần nhưng không được. Sau khi tôi làm đơn ly hôn ra Tòa thì từ tháng 10/2024 cho đến nay, vợ chồng không còn sống chung

với nhau, không còn ai quan tâm đến ai. Nay thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn xin ly hôn với ông T1 để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 30/3/2004; Nguyễn Hoàng Khánh V1, sinh ngày 14/9/2007; Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 22/01/2012 và Nguyễn Hoàng Gia H1, sinh ngày 19/3/2015. Hiện các con đang sống cùng tôi. Ly hôn, tôi xin được nuôi trực tiếp các con V1, H, H1 và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con, tôi có đủ khả năng nuôi con. Đối với con Nguyễn Hoàng V đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Chúng tôi sẽ tự thỏa thuận mà không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với bị đơn; về con chung: đến nay 02 con chung là Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 30/3/2004 và Nguyễn Hoàng Khánh V1, sinh ngày 14/9/2007 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; xin nuôi 02 con chung là Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 22/01/2012 và Nguyễn Hoàng Gia H1, sinh ngày 19/3/2015 và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nguyên đơn được ly hôn bị đơn. Về con chung: Con chung Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 30/3/2004 và Nguyễn Hoàng Khánh V1, sinh ngày 14/9/2007 đã trưởng thành nên không xét; Giao các con chung là Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 22/01/2012 và Nguyễn Hoàng Gia H1, sinh ngày 19/3/2015 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Đức T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T và bị đơn ông Nguyễn Đức T1 tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (nay là xã P, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 04/6/2004, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như đương sự đã trình bày. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ tháng 10/2024 cho đến nay, không còn ai quan tâm đến ai; vợ, chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, là vi phạm nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 30/3/2004; Nguyễn Hoàng Khánh V1, sinh ngày 14/9/2007; Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 22/01/2012 và Nguyễn Hoàng Gia H1, sinh ngày 19/3/2015. Đến nay, 02 con chung là Nguyễn Hoàng V và Nguyễn Hoàng Khánh V1 đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xét. Đối với 02 con chung là Nguyễn Hoàng Gia H và Nguyễn Hoàng Gia H1 hiện đang sống cùng với nguyên đơn; để đảm bảo ổn định cuộc sống của các con, khi ly hôn nguyên đơn xin được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của các con nên chấp nhận. Do nguyên đơn không yêu cầu nên bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Nguyễn Đức T1.

- Về con chung: Có 04 con chung là Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 30/3/2004; Nguyễn Hoàng Khánh V1, sinh ngày 14/9/2007; Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 22/01/2012 và Nguyễn Hoàng Gia H1, sinh ngày 19/3/2015.

02 con chung Nguyễn Hoàng V và Nguyễn Hoàng Khánh V1 đã trưởng thành nên không xét. Giao 02 con chung là Nguyễn Hoàng Gia H và Nguyễn Hoàng Gia H1 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu nên ông Nguyễn Đức T1 không phải cấp dưỡng

nuôi con. Ông Nguyễn Đức T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0007983 ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Lương Văn Cang Đào Thị N	**Trần Lê M**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND KV11;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Quang Nam (nay là xã Phu Hòa 2, tỉnh Đắk Lắk);
(Giấy CNKH số 48, ngày 04/6/2004
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Lê Mai